TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1407/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Ngọc B**, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: 153 ấp Chánh, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông **Đặng Văn C**, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: C11/1 khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà B có mặt; ông C có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 12 năm 2020 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc B trình bày:

Bà và ông Đặng Văn C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà không nhớ năm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông C chung sống với nhau hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, bà cố gắng nhường nhịn ông C để nhằm mục đích cùng

nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông C sống ly thân được một thời gian, không còn sự quan tâm chăm sóc dành cho nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không còn ý nghĩa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C chung sống có một con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/2002 (đã thành niên). Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà với ông C. Quá trình chung sống, bà và ông C không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 25/01/2021 bị đơn ông Đặng Văn C trình bày: Ông và bà Phan Thị Ngọc B chung sống với nhau từ năm 2001, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn trong công việc làm ăn nên bà B về ba mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Nay bà B yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương bà B và thương con. Nhiều lần ông đã năn nỉ bà B nhưng bà B vẫn không trở về chung sống cùng. Quá trình chung sống ông và bà B có một con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/2002 (đã thành niên). Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung giữa ông và bà B. Ông và bà B không có nợ chung. Do ông bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông. Ông cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phan Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn C. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Đặng Văn C cư trú tại C11/1 khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Đặng Văn C có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc B và ông Đặng Văn C sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trước Tòa hôm nay, bà B xác định bà và ông C mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà B khai giữa bà và ông C có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, bà cố gắng nhường nhịn ông C để nhằm mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, bà và ông C không còn sự quan tâm chăm sóc dành cho nhau. Ông C cũng thừa nhận trong quá trình chung sống ông và bà B có xảy ra mâu thuẫn trong công việc làm ăn nên bà B về ba mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 đến nay. Bà B và ông C cùng xác nhận hiện tại ông bà đã sống ly thân được một thời gian. Mặt khác, bà B không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông C đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ giữa bà B và ông C không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung không còn ý nghĩa, Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông C.

[6] Về con chung: Bà B và ông C cùng xác nhận ông bà có một con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/2002 (đã thành niên).

[7] Về tài sản chung: Bà B và ông C cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà B và ông C trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà B và ông C cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung giữa bà B và ông C trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc B.

Cho bà Phan Thị Ngọc B được ly hôn với ông Đặng Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà B và ông C có một con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/2002 (đã thành niên)

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc B chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080722 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà B đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đặng Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy

2AAKKAΛ*χαδχαα+